



Tổng quan các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu

Phạm Thu Thủy
Trần Ngọc Mỹ Hoa
Nguyễn Thị Vân Anh
Nguyễn Thị Thủy Anh
Hoàng Tuấn Long
Tăng Thị Kim Hồng
Nguyễn Hoàng Nam

Tổng quan các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu

Phạm Thu Thủy

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Trần Ngọc Mỹ Hoa

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Nguyễn Thị Vân Anh

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Nguyễn Thị Thủy Anh

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Hoàng Tuấn Long

Tổ chức Nghiên cứu Lâm Nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Tăng Thị Kim Hồng

Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Hoàng Nam

Bộ Tài Nguyên và Môi trường

Báo cáo kỹ thuật 13

© 2023 CIFOR-ICRAF



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phái sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

ISBN 978-9966-108-76-0

DOI: 10.17528/cifor-icraf/008899

Phạm TT, Trần NMH, Nguyễn TVA, Hoàng TL, Tăng TKH, Nguyễn HN. 2023. *Tổng quan các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu*. Báo cáo kỹ thuật 13. Bogor, Indonesia: CIFOR-ICRAF.

CIFOR

Jl. CIFOR, Situ Gede

Bogor Barat 16115

Indonesia

T +62 (251) 8622-622

F +62 (251) 8622-100

E cifor@cgiar.org

ICRAF

United Nations Avenue, Gigiri

PO Box 30677, Nairobi, 00100

Kenya

T +254 20 7224000

F +254-20- 7224001

E worldagroforestry@cgiar.org

cifor-icraf.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Lời cảm ơn	v
Tóm tắt tổng quan	vi
1 Giới thiệu tổng quan	1
2 Khái niệm cơ bản và phương pháp nghiên cứu	2
2.1 Thế nào là hệ sinh thái các bon xanh dương (Blue carbon)?	2
2.2 Phương pháp thu thập và phân tích số liệu.	3
3 Kết quả phân tích ban đầu về các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn	6
3.1 Mục tiêu của các dự án	6
3.2 Loại hình hạng mục đăng kí dự án bán tín chỉ các bon	7
3.3 Tiêu chuẩn các bon của các dự án từ đất ngập nước và rừng ngập mặn	8
3.4 Địa điểm thực hiện dự án	9
3.5 Người mua	10
3.6 Người xây dựng dự án	11
3.7 Cơ chế tài chính	12
3.8 Các ảnh hưởng xã hội và sự tham gia của người dân	12
3.9 Tính bền vững của dự án	15
4 Sự minh bạch và chất lượng của thông tin về thị trường các bon đất ngập nước và rừng ngập mặn	16
5 Thảo luận và Kết luận	17
5.1 Tiềm năng so với thực tế	17
5.2 Hoàn thiện các kiến thức và phương pháp khoa học để xác định và thẩm định chính xác tín chủ các bon xanh dương	17
5.3 Ưu tiên và chú trọng tới các tác động xã hội	18
5.4 Minh bạch thông tin	18
6 Tài liệu tham khảo	19
7 Phụ lục. Các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu	21

Danh mục hình, bảng

Hình

1	Mục tiêu của các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu	6
2	Tỉ lệ % các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn nằm trong khu vực khu bảo tồn theo tiêu chí của IUCN	7
3	Tỉ lệ % của các loại hình dự án đăng kí bán tín chỉ Các bon	7
4	Các tiêu chuẩn các bon áp dụng trong dự án đất ngập nước và rừng ngập mặn	8
5	Các địa điểm thực hiện dự án	9
6	Tỉ lệ % các dự án thực hiện quy trình và quy tắc Đồng thuận dựa trên được thông báo đầy đủ (trước khi thực hiện các hoạt động dự án)	13
7	Thực trạng của dự án	15
8	Chất lượng và sự minh bạch hóa thông tin của các dự án các bon từ đất ngập nước và từ rừng ngập mặn (Đơn vị: tỉ lệ % các dự án)	16

Bảng

1	Tiềm năng và thách thức trong việc xác định trữ lượng các bon từ các hoạt động quản lí hệ sinh thái ven biển, đất ngập nước	2
2	Các hoạt động liên quan đến phát thải và loại bỏ CO ₂ của các hệ sinh thái ven biển và đất ngập nước	3
3	Các nguồn số liệu sử dụng để xây dựng cơ sở dữ liệu ID-RECCO	3
4	Phương pháp cho các tiêu chuẩn các bon	8
5	Số lượng các dự án áp dụng các tiêu chuẩn các bon khác nhau	8
6	Phương pháp tính toán đường cơ bản	9
7	Mục đích của người mua các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn	10
8	Ngành nghề của người mua tín chỉ các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn	10
9	Lĩnh vực của người mua	10
10	Quốc gia của những người mua	11
11	Người trung gian xây dựng dự án	11
12	Trụ sở chính của các bên phát triển dự án	11
13	Cơ chế chi trả các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn	12
14	Hình thức tham gia của cộng đồng trong các dự án	13
15	Hình thức chi trả cho cộng đồng địa phương	13
16	Số việc làm được tạo ra từ các dự án các bon của rừng ngập mặn và đất ngập nước	14
17	Các hoạt động cải thiện sinh kế được dự án chi trả	14
18	Các hình thức hỗ trợ phi tiền mặt của các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn	14
19	Nguyên nhân dẫn đến phá rừng ngập mặn	15

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới chương trình Quản lí các vùng đất ngập nước bền vững để ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu do Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, Chương trình Nghiên cứu so sánh toàn cầu về Giảm phá rừng và suy thoái rừng (GCS-REDD+) do Cơ Quan phát triển Na Uy (NORAD) tài trợ và Chương trình sáng kiến của CGIAR về Hệ thống lương thực phát thải thấp Quỹ CGIAR Trust Fund đã hỗ trợ cho quá trình thực hiện báo cáo này.

Tóm tắt tổng quan

Hệ sinh thái ven biển và đất ngập nước, bao gồm rừng ngập mặn, bãi lầy triều và thảm cỏ, đóng vai trò quan trọng trong thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, đảm bảo sinh kế và an sinh của cộng đồng ven biển và giúp các quốc gia, trong đó có Việt Nam, thực hiện Cam kết tự nguyện quốc gia, Thỏa thuận khí hậu Paris và các Công ước quốc tế khác như Công ước đất ngập nước, Khung đa dạng sinh học toàn cầu sau năm 2020.

Những hệ sinh thái ven biển và đất ngập nước này, thường được gọi là carbon xanh dương, cô lập và lưu trữ các bon từ khí quyển và đại dương với tốc độ cao hơn 10 lần trên mỗi diện tích tính toán so với rừng trên cạn và do vậy được nhiều nhà đầu tư trên thị trường các bon toàn cầu rất quan tâm. Mặc dù thị trường các bon xanh dương có tiềm năng rất lớn, nhưng chỉ có một lượng tín chỉ các bon từ hệ sinh thái này đang được giao dịch trên thị trường. Ngoài ra, thông tin về các giao dịch và dự án các bon xanh dương rất hạn chế và không được phổ biến rộng rãi, dẫn tới việc học hỏi và trao đổi thông tin giữa các bên. Điều này dẫn đến việc thiết kế và thực hiện các dự án trong lĩnh vực này gặp nhiều trở ngại.

Báo cáo này được xây dựng nhằm rà soát và phân tích thực trạng của các dự án các bon từ đất ngập nước và hệ sinh thái ven biển, cũng như, tìm hiểu thực trạng và đưa ra các khuyến nghị cho các bên, trong việc thiết kế và thực hiện các chương trình, dự án các bon xanh dương trong tương lai, nhằm nâng cao hiệu quả và tác động tích cực hơn lên kinh tế, môi trường và xã hội.

Kết quả rà soát của chúng tôi cho thấy hiện nay đang có khoảng 28 dự án về các bon từ đất ngập nước và hệ sinh thái ven biển. Mặc dù các dự án hướng tới giao dịch các bon, phần lớn các dự án đều cam kết thực hiện 3 mục tiêu song song sau: (i) giảm phát thải đạt tín chỉ các bon, (ii) bảo tồn đa dạng sinh học và (iii) hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội. Thực tế rằng 46% dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn nằm ở các khu bảo tồn, cho thấy tiềm năng lớn của chi trả các bon cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Các dự án có loại hình chủ yếu là các hoạt động giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) (50% trên tổng số các dự án hiện có) và trồng mới cùng tái trồng rừng ngập mặn (46% trên tổng số các dự án hiện có). Điều này cho thấy việc bảo vệ diện tích rừng ngập mặn hiện có và trồng mới rừng ngập mặn cần được tiến hành song hành.

Phần lớn các dự án giao dịch tín chỉ các bon từ rừng ngập mặn và đất ngập nước áp dụng tiêu chuẩn VCS và Plan Vivo và thường có xu thế có 2 tiêu chuẩn các bon cùng một lúc. Tuy nhiên, không phải dự án nào cũng được xác nhận bởi các đơn vị cấp chứng chỉ các bon. Trong tổng số các dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn, chỉ có 41% đã được thẩm định và cấp chứng chỉ còn lại 51.7% dự án đang trong quá trình thực hiện.

Khoảng 54% dự án có địa bàn thực hiện diễn ra tại nhiều địa phương cùng một lúc. Châu Phi là hai Châu lục sở hữu nhiều dự án các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn nhất trên toàn cầu. Nguồn tài chính cho các dự án các bon này đến từ quyên góp (từ cá nhân, NGO, các công ty, Quỹ đầu tư), vốn chủ sở hữu hoặc vốn đề xuất sở hữu, viện trợ/trợ cấp quốc tế, viện trợ/trợ cấp quốc gia, bán nông sản, gỗ hoặc lâm sản ngoài gỗ và bán tín chỉ các bon. Nguồn thu từ các bon đóng góp khoảng 46,67% trên tổng số các dự án.

Nhóm người mua tín chỉ các bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn cũng khá đa dạng, chủ yếu đến từ khối tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm nông nghiệp, mỹ phẩm, năng lượng, tài chính, ngành công nghiệp, ngành dịch vụ và ngành vận chuyển. Nhóm người mua này không chỉ đến từ các nước phát triển như Pháp, Anh và Mỹ mà còn từ các nước đang phát triển như Sri Lanka, Colombia và Brazil.

Các bên trung gian hỗ trợ nhóm người mua này đi tìm và mua tín chỉ các bon xanh dương cũng tới từ cả các nước phát triển lẫn các nước đang phát triển như Ấn Độ, Myanmar, Sri Lanka và Trung Quốc. Điểm đáng lưu ý là có rất nhiều cá nhân cũng đầu tư và sở hữu lượng lớn tín chỉ các bon xanh dương cho thấy tiềm năng mở rộng thị trường với nhóm người mua là các cá nhân từ các nước đang phát triển.

Mặc dù có nhiều lo ngại về tính bền vững của các dự án các bon xanh dương, đặc biệt khi thị trường các bon có nhiều biến động và lĩnh vực xác định tín chỉ các bon xanh dương còn rất mới, kết quả rà soát cho thấy khoảng 75% dự án được rà soát vẫn đang tiếp tục được thực hiện và giao dịch trên thị trường. Hơn nữa, trong khi các dự án rà soát thường không công bố giá thực tế đã được giao dịch và số nhỏ trong cơ sở dữ liệu ID-RECCO chỉ đưa ra giá 11USD/tấn CO₂, cho thấy giá giao dịch có thể lên tới 27.80USD/tấn CO₂ và số lượng người mua sẵn sàng trả trên 35USD/tấn CO₂ cho thấy tiềm năng đang rộng mở đối với thị trường này.

Kết quả rà soát của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy 3 thách thức chính đối với các dự án các bon xanh dương hiện nay:

- 1. Tính bổ sung và hiệu quả của dự án trong việc giảm phát thải.** Điểm quan trọng của một dự án bán tín chỉ các bon là phải chỉ ra tính bổ sung về mặt tác động môi trường, kinh tế và xã hội thông qua sự chi trả của người mua tín chỉ các bon. Để có thể xác định được rằng tiền chi trả cho các hoạt động các bon rừng thực sự đem lại nhiều ý nghĩa bổ sung và tích cực, cần xây dựng rõ về đường cơ sở để so sánh trước và sau khi có dự án. Điều đáng lo ngại là có tới gần 43% số dự án không đưa ra các số liệu và thông tin cụ thể, rõ ràng về việc các dự án đó tính toán đường cơ sở bằng phương pháp nào. Điều này tạo ra sự nghi ngại về thực tế đóng góp của các dự án này trong việc giảm phát thải. Cần có nhiều nghiên cứu và các hoạt động nâng cao năng lực cho các bên trong việc xác định, thẩm định và báo cáo trữ lượng các bon xanh một cách hiệu quả và chính xác.
- 2. Tác động hạn chế về mặt xã hội.** Kết quả cho thấy mặc dù các dự án cố gắng chi trả các hoạt động phát triển sinh kế cho người dân, các dự án không tạo ra nhiều tác động xã hội (ví dụ như tạo công ăn việc làm) như cam kết trong các văn kiện dự án. Thực tế sự tham gia của người dân địa phương vào quá trình ra quyết định và quản lý dự án gây nhiều lo ngại về tính công bằng của dự án. Hơn nữa, có nhiều cộng đồng không được hưởng lợi từ dự án hay được tham vấn đầy đủ về quá trình thực hiện dự án. Điều này đã tạo ra những rủi ro về các tác động tiêu cực lên xã hội mà dự án có thể tạo ra cho cộng đồng.
- 3. Tính minh bạch của các dự án.** Các dự án thường công bố các biện pháp can thiệp hướng tới các tác động xã hội nhưng lại không công bố các thông tin chi tiết giao dịch bao gồm giá thành và điều kiện thương thảo. Việc thiếu minh bạch trong việc công bố các giao dịch có thể làm giảm niềm tin của cả người mua và người bán trong thị trường.

Mặc dù chỉ dựa trên các tài liệu sẵn có và thông tin thứ cấp, báo cáo đưa ra bức tranh cập nhật về thực trạng các dự án các bon xanh dương hiện nay cũng như chỉ ra các lĩnh vực cần hoàn thiện. Đặc biệt, trong việc đảm bảo các dự án các bon xanh dương, không chỉ cần đạt được những tác động về thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu mà còn đảm bảo các tác động tích cực đối với công tác bảo tồn đa dạng sinh học và cộng đồng địa phương.

1 Giới thiệu tổng quan

Bãi lầy triều, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn phân bố trên toàn cầu và đóng vai trò quan trọng đối với thích ứng và giảm thiểu với biến đổi khí hậu. Những hệ sinh thái ven biển này, thường được gọi là hệ sinh thái carbon xanh dương, cô lập và lưu trữ carbon từ khí quyển và đại dương với tốc độ cao hơn tới 10 lần trên mỗi diện tích tính toán so với rừng trên cạn (IUCN 2017).

Có 151 quốc gia trên thế giới có ít nhất một trong ba hệ sinh thái ven biển bao gồm thảm cỏ biển, đầm lầy hoặc rừng ngập mặn và có 71 quốc gia có cả 3 hệ sinh thái này (Herr và Landis 2016). Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển – hay gọi cách khác là hệ sinh thái các bon xanh dương (Blue carbon) được coi là một biện pháp dựa vào tự nhiên hiệu quả trong cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế và an sinh của cộng đồng ven biển. Các giải pháp tự nhiên dựa vào quản lý các vùng đất ngập nước bền vững có thể đóng góp 14% vào tiềm năng giảm nhẹ trên toàn cầu và giảm khoảng 19% chi phí cho các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu (Griscom và cộng sự 2017). Vai trò quan trọng của hệ sinh thái ven biển và đất ngập nước đã được ghi nhận, nhấn mạnh và được cụ thể hóa về các bước thực hiện trong nhiều công ước và thỏa thuận quốc tế như Khung liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC), các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), Thỏa thuận Paris, Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Công ước Ramsar), Công ước Đa dạng sinh học (CBD), Khung đa dạng sinh học toàn cầu sau năm 2020 (Square Space 2020, IPBC 2021), Cam kết giảm phát thải ròng và Tuyên bố Glasgow về Rừng và sử dụng đất.

Vào năm 2022, có 46% quốc gia trên toàn cầu đề cập tới các vùng đất ngập nước và 62% quốc gia đã đưa bảo vệ rừng ngập mặn vào cam kết tự nguyện quốc gia (NDC) của mình (FAO 2022). Đất rừng ngập mặn chứa hơn 6,4 tỷ tấn carbon, gấp 4,5 lần lượng carbon mà nền kinh tế Hoa Kỳ thải ra mỗi năm (UNFCCC 2018). Các nhà đầu tư cho rằng giá trị tài sản mà rừng ngập mặn có thể tạo ra đã tăng từ 21,5 tỷ đô la Mỹ năm 2009 lên 200 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 (UNFCCC 2018). Với thực tế giá các bon dự kiến sẽ tiếp tục tăng, từ 15 USD – 24 USD vào năm 2022 đến 40 – 65USD cho mỗi tấn chỉ các bon vào năm 2040, các dự án carbon xanh dương có thể lấy giá ở mức cao hơn trong các phạm vi này. Phục hồi rừng ngập mặn và trồng mới/tái trồng rừng có thể đưa ra mức giá từ 15 USD đến 35 USD cho mỗi tấn chỉ các bon cộng với phí bảo hiểm tiềm năng do lợi ích phát triển bền vững (IFC 2023).

Song song với sự hoàn thiện của các chính sách hành chính công, các nhà đầu tư cũng đang tìm kiếm cơ hội để mở rộng thị trường các bon cho rừng ngập mặn. Trong thời gian gần đây, số lượng các nhà đầu tư hướng tới Việt Nam để tìm kiếm các cơ hội mua tín chỉ các bon rừng ngập mặn ngày càng tăng. Tuy nhiên, việc vận hành thị trường và các dự án các bon rừng ngập mặn đang gặp phải những rào cản về hành lang pháp lý, năng lực kỹ thuật, kết nối và đón đầu thị trường, thực thi chính sách, đảm bảo chất lượng và giá thành cao của tín chỉ các bon rừng ngập mặn. Ngoài ra, mặc dù, số lượng người mua trong thị trường các bon tự nguyện có nguyện vọng đầu tư vào các dự án các bon xanh dương từ ven biển, đất ngập nước và rừng ngập mặn ngày càng tăng, cơ sở pháp lý cho lĩnh vực này còn chưa bắt kịp với nhu cầu và vận hành của thị trường. Hơn nữa, các thông tin về thị trường các bon rừng ngập mặn cũng như thực tế triển khai các dự án các bon rừng ngập mặn còn hạn chế dẫn đến khó khăn cho việc trao đổi kinh nghiệm giữa các bên có liên quan cũng gặp nhiều khó khăn.

Nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và các bên có liên quan trong việc trao đổi thông tin, cập nhật khung pháp lý của quốc tế và Việt Nam cũng như các yêu cầu thị trường, kỹ thuật và xã hội về thị trường các bon rừng, cũng như thực tế triển khai của các dự án từ hệ sinh thái ven biển, đất ngập nước và rừng ngập mặn, báo cáo này rà soát và cung cấp các thông tin về thực tế triển khai của các dự án về các bon từ hệ sinh thái ven biển, đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu. Báo cáo hi vọng sẽ đưa ra các thông tin cập nhật và hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách và các bên phát triển dự án trong lĩnh vực này có thể xây dựng và thiết kế dự án hiệu quả, hiệu ích và công bằng.